

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày 17-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Hải
2. Ông Nguyễn Văn Tòng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Đình T - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố Th X, phường H Th, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Đình Th và bà Lê Thị L; vợ là Nguyễn Thị Ph; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2023 đến ngày 25/7/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1992, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Nam, phường H Th (vắng mặt).
2. Anh Lê Văn Kh, sinh năm 1989, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Nam, phường H Th (vắng mặt).
3. Anh Bùi Tuấn L1, sinh năm 2003, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
4. Anh Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
6. Anh Hồ Đắc D, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
7. Anh Lê Đức Th3, sinh năm 2000, địa chỉ: tổ dân phố Th X, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
8. Anh Nguyễn Thế T2, sinh năm 1995, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đình, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
9. Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ dân phố Quang Minh, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
10. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 2001, địa chỉ: tổ dân phố Thượng Hải, phường H Th (vắng mặt).
11. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ: tổ dân phố Nam Hải, phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
12. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1988, địa chỉ: tổ dân phố Th X, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).
13. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đình, phường H Th, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ dân phố Thanh Đình, phường H Th, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).
2. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, địa chỉ: tổ dân phố Th X, phường H Th, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2022 đến 15/7/2023, Lê Đình T, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố Th X, phường H Th, thị xã Nghi Sơn đã có hành vi cho một số cá nhân trên địa bàn phường H Th và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn vay tiền với lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Người vay trả nợ gốc và lãi vay qua tài khoản 0982475109 ngân hàng MB, chủ tài khoản là Nguyễn Văn T4; số tài khoản 3620101989 ngân hàng MB, chủ tài khoản là Nguyễn Văn Tr và số tài khoản 855556668888 ngân hàng MB, chủ tài khoản là Lê Đình T hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt cho T.

Để quản lý theo dõi việc cho vay, T lập các hợp đồng vay tiền trên giấy A4 đứng tên Lê Văn Tiến, là tên thường gọi của T cho người vay ký rồi đóng thành quyển, gồm: Quyển T 2 (*bên trong có 11 tờ hợp đồng vay tiền*); T 3 (*bên trong có 10 tờ hợp đồng vay tiền*); T 4 (*bên trong có 15 tờ hợp đồng vay tiền*); T 5 (*bên trong có 29 tờ hợp đồng vay tiền*). Ngoài ra còn có 23 tờ hợp đồng rời và 01 quyển sổ ghi chép màu đỏ bên trong có 06 tờ ghi tổng hợp danh sách những người vay tiền, thời hạn vay, thông tin về lãi suất và thanh toán nợ gốc lãi. Trong nội dung hợp đồng vay tiền chỉ ghi thông tin người vay và số tiền vay, thời hạn vay, còn lãi suất thì giữa T và người vay thỏa thuận miệng.

Quá trình điều tra đã xác định hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lê Đình T cụ thể như sau:

(1) Trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2022 đến 24/5/2023, T cho anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Thanh Nam, phường H Th vay 04 lần tiền với mức lãi suất theo thỏa thuận 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 25/8/2022, T cho anh Th1 vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng (tính bằng 30 ngày). T cắt thu lãi trước số tiền 750.000 đồng từ tiền gốc vay, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 82.192 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 667.808 đồng. Ngày 22/9/2022, anh Th1 trả tiền gốc cho T và kết thúc gói vay.

- Lần thứ hai: Ngày 26/8/2022, T cho anh Th1 vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng (tính bằng 30 ngày). T cắt thu lãi trước số tiền 750.000 đồng từ

tiền gốc vay, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 82.192 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 667.808 đồng. Ngày 25/9/2022 anh Th1 trả tiền gốc cho T và kết thúc gói vay.

- Lần thứ ba: Ngày 05/10/2022, T cho anh Th1 vay 10.000.000 đồng. T cắt tiền lãi tháng đầu là 1.500.000 đồng, chỉ đưa cho anh Th1 8.500.000 đồng. Tính đến ngày 04/3/2023, anh Th1 đã trả cho T 05 tháng tiền lãi với số tiền là 7.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 821.918 đồng, số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 6.678.082 đồng. Ngày 06/3/2023, anh Th1 đã trả tiền gốc cho T và kết thúc gói vay (*Ngày 05 và 06/3/2023 T không lấy lãi anh Th1*).

- Lần thứ tư: Ngày 28/10/2022, T cho anh Th1 vay 10.000.000 đồng. T cắt tiền lãi tháng đầu là 1.500.000 đồng, chỉ đưa cho anh Th1 8.500.000 đồng. Tính đến ngày 27/5/2023, anh Th1 trả cho T 07 tháng tiền lãi với số tiền là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 1.150.685 đồng, số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 9.349.315 đồng. Ngày 24/5/2023, anh Th1 đã trả tiền gốc cho T và kết thúc gói vay.

Mặc dù tổng cộng tiền gốc T cho anh Th1 vay 04 lần là 30.000 đồng, nhưng trong đó số tiền gốc vay hai lần đầu, mỗi lần 5.000.000 đồng sau khi anh Th1 trả T lại tiếp tục quay vòng cho anh Th1 vay lần thứ ba nên tổng số tiền thực tế T sử dụng cho anh Th1 vay là 20.000.000 đồng. Anh Th1 đã trả cho T tổng số tiền lãi là 19.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 2.136.987 đồng và số tiền T thu lợi bất chính là 17.363.013 đồng. Anh Th1 đã trả toàn bộ tiền gốc cho T.

(2) Ngày 03/7/2022, T cho anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Nam Hải, phường Hải Bình vay 10.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 219%/năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Mỗi tháng anh B phải trả cho T số tiền lãi là 1.800.000 đồng. Tính đến ngày 02/4/2023, anh B đã trả cho T 09 tháng tiền lãi với số tiền là 16.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 1.479.452 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 14.720.548 đồng. Ngày 25/4/2023 anh B đã trả tiền gốc cho T (*Từ ngày 03/4 đến ngày 25/4/2023 T không lấy lãi anh B*).

(3) Ngày 08/02/2023, T cho anh Lê Đức Th3, sinh năm 2000, trú tại tổ dân phố Th X, phường H Th vay 5.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 219%/năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi

suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 900.000 đồng, chỉ đưa cho anh Th3 4.100.000 đồng. Tính đến ngày 07/5/2023, anh Th3 đã trả cho T 03 tháng tiền lãi với số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 246.575 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 2.453.425 đồng. Từ ngày 08/5/2023 đến nay, vì anh Th3 khó khăn nên T không tính lãi cho khoản vay. Hiện tại anh Th3 chưa trả tiền gốc cho T.

(4) Ngày 13/02/2023, T cho anh Bùi Tuấn L1, sinh năm 2003, trú tại tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th vay 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/triệu/ ngày, tương ứng với mức lãi suất 219 %/ năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 1.800.000 đồng, chỉ đưa cho anh L1 8.200.000 đồng. Tính đến ngày 12/5/2023, anh L1 đã trả cho T 03 tháng tiền lãi với số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 493.151 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 4.906.849 đồng. Đến ngày 13/5/2023 anh L1 đã trả tiền gốc cho T kết thúc gói vay.

(5) Ngày 15/02/2023, T cho anh Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th vay 10.000.000đ, với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 1.500.000 đồng, chỉ đưa cho anh Th2 8.500.000 đồng. Tính đến ngày 14/7/2023, anh Th2 đã trả cho T 05 tháng tiền lãi với số tiền là 7.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 821.918 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 6.678.082 đồng. Kể từ ngày 15/7/2023, vì anh Th2 khó khăn nên T không tính lãi cho khoản vay. Hiện tại anh Th2 chưa trả tiền gốc cho T.

(6) Ngày 05/02/2023, T cho anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th vay 5.000.000 đồng, với mức lãi suất là 6.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 219%/năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 900.000 đồng, chỉ đưa cho anh T1 4.100.000 đồng. Tính đến ngày 04/7/2023, anh T1 đã trả cho T 05 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 410.959 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 4.089.041 đồng. Kể từ ngày 05/7/2023, vì anh T1 khó khăn nên T không tính lãi cho khoản vay. Hiện tại anh T1 chưa trả tiền gốc cho T.

(7) Ngày 10/3/2023, T cho anh Lê Văn Kh, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố Thanh Nam, phường H Th vay 5.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là

3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 450.000 đồng, chỉ đưa cho anh Kh 4.550.000 đồng. Tính đến ngày 09/6/2023, anh Kh đã trả cho T 03 tháng tiền lãi với số tiền là 1.350.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 246.575 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 1.103.425 đồng. Kể ngày 10/6/2023, vì anh Kh khó khăn nên T không tính lãi cho khoản vay. Hiện tại anh Kh chưa trả tiền gốc cho T.

(8) Ngày 18/3/2023, T cho anh Nguyễn Thế T2, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố Thanh Đình, phường H Th vay 6.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng tính bằng 30 ngày, tương ứng với mức lãi suất 202,78 %/năm, cao gấp 10,139 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 1.000.000 đồng, chỉ đưa cho anh T1 5.000.000 đồng. Tính đến ngày 17/4/2023, anh T1 mới trả cho T 01 tháng tiền lãi với số tiền là 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 98,630 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 901.370 đồng. Kể từ ngày 18/4/2023, vì anh T1 khó khăn nên T không tính lãi cho khoản vay. Hiện tại anh T1 chưa trả tiền gốc cho T.

(9) Ngày 14/3/2023, T cho anh Hồ Đắc D, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố Thanh Đông, phường H Th vay 10.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng (tính bằng 30 ngày) với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt thu lãi trước số tiền 1.500.000 đồng từ tiền gốc vay, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 1.335.616 đồng. Đến ngày 14/4/2023, anh D đã trả tiền gốc cho T và kết thúc gói vay.

(10) Ngày 25/3/2023, T cho anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 2001, trú tại tổ dân phố Thượng Hải, phường H Th vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, với mức lãi suất thỏa thuận là 500.000 đồng/tháng, mỗi tháng tính bằng 30 ngày, tương ứng với mức lãi suất 121,66%/năm, cao gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt thu lãi trước số tiền 750.000 đồng từ tiền gốc vay, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 82.192 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Đến ngày 25/4/2023 anh T3 đã trả tiền gốc cho T và kết thúc gói vay.

(11) Ngày 06/4/2023, T cho anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố Quang Minh, phường H Th vay 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa

thuận là 6.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 219 %/năm, cao gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T cắt lãi trước tháng đầu là 1.800.000 đồng, chỉ đưa cho anh Ch 8.200.000 đồng. Tính đến ngày 05/5/2023, anh Ch mới trả cho T 01 tháng tiền lãi với số tiền là 1.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 1.635.616 đồng. Kể từ ngày 06/5/2023, vì anh Ch khó khăn nên T không tính lãi cho khoản vay. Hiện tại anh Ch chưa trả tiền gốc cho T.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2022 đến ngày 15/7/2023, Lê Đình T đã cho 11 cá nhân vay 14 lần tiền, tổng cộng 116.000.000 đồng với mức lãi suất từ 121,66% đến 202,78%/năm, cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, trong đó có một số khoản vay sau khi thu nợ gốc T đã sử dụng cho vay quay vòng, nên tổng số tiền thực tế T sử dụng cho vay là 96.000.000 đồng; tổng số tiền lãi T đã thu là 61.950.000 đồng, trong đó tổng số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là 6.345.205 đồng, tổng số tiền T thu lợi bất chính là 55.604.795 đồng.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi cho 11 cá nhân trên vay tiền với lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nêu trên, thì Lê Đình T còn cho một số cá nhân khác vay tiền, thể hiện tại các sổ ghi chép và hợp đồng vay tiền, cụ thể như sau:

- Tại quyền “T 2”, T cho 11 người vay, thời gian cho vay từ ngày 08/02/2021 đến ngày 13/4/2021; Tại quyền “T 3”, T cho 10 người vay thời gian cho vay từ ngày 01/6/2021 đến ngày 02/7/2021; Tại quyền “T 4”, T cho 15 người vay, thời gian cho vay từ ngày 10/4/2021 đến ngày 17/5/2021 và 23 tờ giấy A4 có nội dung hợp đồng vay tiền, thời gian cho vay từ ngày 07/01/2022 đến ngày 19/3/2022. Tuy nhiên, trong các hợp đồng vay nêu trên đều không ghi đầy đủ thông tin người vay, như: Địa chỉ chỉ ghi tên xã/phường, không ghi rõ thôn/tổ dân phố; không ghi số CMND/CCCD, số điện thoại liên lạc và không ghi rõ lãi suất cho vay.

Quá trình điều tra, T khai nhận có cho các cá nhân có tên trong sổ hợp đồng nêu trên vay tiền, nhưng vì thời gian đã lâu nên không nhớ lãi suất cụ thể là bao nhiêu và vì số tiền vay ít (chỉ từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ), thời gian vay ngắn (chủ yếu là 10 ngày) nên T không ghi đầy đủ và cụ thể thông tin. Hiện tại các cá nhân trên đã thanh toán xong và kết thúc gói vay. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương, tuy nhiên không xác định được các cá nhân có thông

tin như trong hợp đồng vay. Mặt khác, đến thời điểm hành vi cho vay lãi nặng bị phát hiện các gói vay này đều đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, tại quyền “T 5”, Lê Đình T cho 29 người vay, thời gian cho vay từ ngày 08/02/2023 đến ngày 15/7/2023, trong đó có 09 cá nhân là anh Lê Đức Th3, anh Bùi Tuấn L1, anh Nguyễn Văn Th2, anh Nguyễn Văn T1, anh Lê Văn Kh, anh Nguyễn Thế T2, anh Hồ Đắc D, anh Nguyễn Văn Ch và anh Nguyễn Văn T3 vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 6.000 đồng/triệu/ngày như đã nêu trên. Còn lại 20 cá nhân, gồm anh Lê Xuân Sơn, sinh năm 1978, trú tại thôn Nam Yên, xã Hải Yên và chị Trần Thị Hằng, sinh năm 1980, trú tại TDP Thượng Hải, phường H Th, thị xã Nghi Sơn, T khai cho vay không tính lãi và 18 cá nhân khác, T khai cho vay với lãi suất từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng/triệu/đồng, dưới 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tuy nhiên Cơ quan điều tra chưa xác minh, thu thập được lời khai của người vay do những người này không có mặt tại địa phương nên chưa đủ căn cứ để xác định chính xác lãi xuất của khoản vay này để xử lý theo quy định.

Đối với 09 căn cước công dân mang tên Trần Thị Tuyết, Nguyễn Văn Quyết, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Phi Long, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Thế Tiến Lộc, Nguyễn Văn Phong và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Trọng, T khai đây là những giấy tờ tùy thân T thu từ người vay. Cơ quan điều tra chỉ mới tiến hành xác minh, làm việc được với chị Tuyết, anh Quyết và anh Long, qua đó xác định T đã cho những người này vay tiền với lãi suất từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng/triệu/ngày, dưới 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nên hành vi của T không cấu thành tội phạm. Số người vay còn lại hiện không có mặt tại địa phương, không xác định được đang cư trú ở đâu nên không thu thập được lời khai để xác minh làm rõ các khoản vay này.

Xác minh các tài khoản 3620101989 ngân hàng MB mà T đã sử dụng để nhận tiền lãi của người vay trả, xác định tài khoản này là của anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố Th X, phường H Th, thị xã Nghi Sơn. Quá trình điều tra, anh Tr thừa nhận có cho T mượn tài khoản ngân hàng để cho người khác chuyển tiền cho T, sau đó anh Tr đưa tiền mặt cho T, tuy nhiên anh Tr không biết việc T sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên anh Tr không đồng phạm với T trong vụ án.

Xác minh số tài khoản 0982475109 ngân hàng MB mà T đã sử dụng để nhận tiền lãi của người vay trả, xác định tài khoản này là của anh Nguyễn Văn T4,

sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố Thanh Đình, phường H Th, thị xã Nghi Sơn (là em vợ của T). Quá trình điều tra, Tuấn khai khoảng 04 tháng trước chị Nguyễn Thị Ph (*chị gái Tuấn, đồng thời là vợ T*) đến nhờ Tuấn ra Ngân hàng MB đăng ký mở tài khoản, Tuấn nhận lời đăng ký thuê bao sim điện thoại số 0982475109 rồi sử dụng số điện thoại tải ứng dụng Internet Banking Ngân hàng cài đặt trong máy, sau đó Tuấn đưa điện thoại cho chị Ph và không sử dụng tài khoản Ngân hàng này. Chị Ph sau đó để điện thoại ở nhà và T đã sử dụng ứng dụng Internet Banking Tuấn cài đặt trong máy để nhận tiền lãi người vay chuyển đến. Quá trình điều tra xác định, anh T4 và chị Ph không biết việc T sử dụng tài khoản ngân hàng trên điện thoại của mình để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên anh T4 và chị Ph không đồng phạm với T trong vụ án.

Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSNS ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn truy tố bị cáo Lê Đình T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập từ 10% đến 15% thu nhập của bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo. Truy thu của những người vay số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo. Truy thu của bị cáo số tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS mà bị cáo đã thu của người vay để nộp vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bị cáo đã thu.

- Về vật chứng: Số tiền 65.000.000đ thu giữ khi khám xét nhà bị cáo, quá trình điều tra xác định đây là tiền của bà Nguyễn Thị L1 là mẹ vợ của bị cáo. Vì vậy, đề nghị trả lại cho bà Nguyễn Thị L1. Đối với chiếc điện thoại Oppo A74 màu xanh thu giữ tại nhà bị cáo, là điện thoại của bị cáo T sử dụng liên lạc và thực hiện hành vi vay lãi nặng nên đề nghị cần tịch thu, phát mai, sung quỹ nhà nước.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ph và bà Nguyễn Thị L1 thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án xác định:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 03/7/2022 đến ngày 15/7/2023, Lê Đình T đã sử dụng tổng số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) cho 11 cá nhân vay, gồm: Anh Nguyễn Văn Th1, anh Lê Văn Kh, anh Bùi Tuấn L1, anh Nguyễn Văn Th2, anh Nguyễn Văn T1, và anh Hồ Đắc D, anh Lê Đức Th3, anh Nguyễn Thế T2, anh Nguyễn Văn Ch, anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Văn B với mức lãi suất từ 109,5% đến 202,7%, gấp từ 5,47 lần đến 10,14 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thu lời bất chính tổng số tiền là 55.604.795 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Đình T phạm tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn và luận tội của kiểm sát viên là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiểm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi hành vi bị phát giác bị cáo đã đến Công an thị xã Nghi Sơn đầu thú; cụ thể năm 2022 bị cáo tích cực ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh covid19, năm 2023 bị cáo hỗ trợ quỹ nạn nhân chất độc da cam dioxin. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thân thân của bị cáo, HĐXX quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự để chính quyền địa phương và gia đình cùng phối hợp giám sát bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: *“Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.”*

Bị cáo làm nghề lái taxi, thu nhập từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng, nên khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo 10% = 600.000đ để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đang nuôi 03 nuôi con chưa thành niên, hiện nay vợ bị cáo đang mang thai con thứ tư, bố mẹ già yếu, chính quyền địa phương xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp: Số tiền gốc những người vay đã trả cho bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội và số tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay tuy không tính để xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo cần buộc người vay nộp lại để sung quỹ nhà nước. Yêu cầu bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bị cáo đã thu.

[6] Về vật chứng:

Số tiền 65.000.000đ thu giữ khi khám xét nhà bị cáo, quá trình điều tra xác định đây là tiền của bà Nguyễn Thị L1 là mẹ vợ của bị cáo. Vì vậy, trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại Oppo A74 màu xanh thu giữ tại nhà bị cáo, đây là điện thoại của bị cáo T sử dụng liên lạc và thực hiện hành vi vay lãi nặng nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

Khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 6; Điều 21; điểm a,c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Toà án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lê Đình T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

*** Xử phạt:**

Bị cáo Lê Đình T 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ từ ngày 19/7/2023 đến 25/7/2023 bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã Nghi Sơn nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Đình T cho UBND phường H Th, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 10% bằng 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Truy thu của bị cáo tổng số tiền: 55.000.000đ + 6.345.517đ = 61.345.517đ (Sáu mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm mười bảy đồng) (Là số tiền gốc và lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20% theo quy định của BLDS) để sung vào quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền mà bị cáo thu lời bất chính, cụ thể:

Trả lại cho anh Th1 17.363.013đ.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn B 14.720.548đ.

Trả lại cho anh Lê Đức Th3 2.453.425đ.

Trả lại cho anh Bùi Tuấn L1 4.906.849đ.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn Th2 6.678.082đ.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T1 4.089.041đ.

Trả lại cho anh Lê Văn Kh 1.103.425đ.

Trả lại cho anh Nguyễn Thế T2 901.370đ.

Trả lại cho anh Hồ Đắc D 1.335.616đ.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T3 417.808đ.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn Ch 1.635.616đ.

- Buộc anh Lê Đức Th3 nộp 5.000.000đ, buộc anh Nguyễn Văn Th2 nộp 10.000.000đ, buộc anh Nguyễn Văn T1 nộp 5.000.000đ, buộc anh Lê Văn Kh

nộp 5.000.000đ, buộc anh Nguyễn Thế T2 nộp 6.000.000đ, buộc anh Nguyễn Văn Ch nộp 10.000.000đ (là số tiền nợ gốc những người này chưa trả cho bị cáo) để sung quỹ nhà nước.

*** Về vật chứng:**

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng). Số tiền hiện đang được ký gửi tại Kho bạc nhà nước Nghi Sơn theo biên bản giao nhận tài sản số 15/2023/BBBG-KBSN ngày 11/8/2023 giữa Công an thị xã Nghi Sơn và Kho bạc nhà nước Nghi Sơn.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01(một) phong bì đã được dán kín niêm phong bởi chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đăng Đạt, Lê Ngọc Công và các hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa, bên trong đựng 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu xanh, kiểu máy CPH229, có số Imei 1: 860821057310870, Imei 2: 860821057310862, kèm theo 02 (hai) sim có ghi: 8984048000915730531, 8984048000915865772. Vật chứng hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2024 giữa cơ quan điều tra công an thị xã Nghi Sơn và chi cục Thi hành án thị xã Nghi Sơn.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.780.200đ (hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự.

*** Về quyền kháng cáo:** Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Trại tạm giam công an T.Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TX Nghi Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Huyền